

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙 [별지 제5호의5서식]

<개정 2023. 12. 29.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản [Mẫu đính kèm số 5-5]

<Sửa đổi 2023. 12. 29.>

부동산거래관리시스템(rtms.molit.go.kr)에서도
신청할 수 있습니다.

Có thể đăng ký thông qua Hệ thống quản lý giao dịch bất
động sản (rtms.molit.go.kr).

주택 임대차 계약 해제 신고서 ĐƠN KHAI BÁO HỦY HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

※ 뒤쪽의 유의사항·작성방법을 읽고 작성하시기 바랍니다.

(앞쪽)

※ Vui lòng tham khảo nội dung lưu ý và cách điền đơn ở mặt sau trước khi điền.

(Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일시 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	지체 없이 Ngày lập tức
①신고필증 관리번호 ①Số quản lý giấy chứng nhận khai báo			
②임대인 ②Người cho thuê	성명(법인·단체명) Họ tên (tên pháp nhân, tổ chức) 주소(법인·단체 소재지) Địa chỉ (địa chỉ pháp nhân, tổ chức) 전화번호 Số điện thoại	주민등록번호(법인·외국인등록·고유번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân, số đăng ký người nước ngoài, số định danh) 휴대전화번호 Số di động	
③임차인 ③Người thuê	성명(법인·단체명) Họ tên (tên pháp nhân, tổ chức) 주소(법인·단체 소재지) Địa chỉ (địa chỉ pháp nhân, tổ chức) 전화번호 Số điện thoại	주민등록번호(법인·외국인등록·고유번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân, số đăng ký người nước ngoài, số định danh) 휴대전화번호 Số di động	
소재지 (주소) Địa chỉ (địa chỉ)			
④계약 기간 ④Thời gian hợp đồng	년 월 일 ~ 년 월 일 Từ năm tháng ngày ~ năm tháng ngày		
계약 체결일 Ngày kí kết hợp đồng	년 월 일 Năm tháng ngày	해제사유 발생일 Ngày phát sinh lí do hủy	년 월 일 Năm tháng ngày
⑤해제사유 ⑤Lí do hủy			
개업공인 중개사 Môi giới viên được cấp phép	사무소 명칭 Tên văn phòng 사무소 소재지 Địa chỉ văn phòng	사무소 명칭 Tên văn phòng 사무소 소재지 Địa chỉ văn phòng	

	대표자 성명 Họ tên người đại diện		대표자 성명 Họ tên người đại diện	
	등록번호 Số đăng ký		등록번호 Số đăng ký	
	전화번호 Số điện thoại		전화번호 Số điện thoại	
	소속공인중개사 성명 Họ tên môi giới viên trực thuộc		소속공인중개사 성명 Họ tên môi giới viên trực thuộc	

「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제6조의3 및 같은 법 시행규칙 제6조의3에 따라 위와 같이 주택 임대차 계약 해제 내역을 신고합니다.

Tôi xin khai báo nội dung hủy hợp đồng thuê nhà như trên theo Điều 6-3 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và Điều 6-3 Thông tư hướng dẫn Luật này.

신고인
Người khai báo

임대인 :
Người cho thuê:
임차인 :
Người thuê:
제출인 :
Người nộp đơn:
(제출 대행시)
(Khi nộp thay)

년
Năm

월
tháng

일
ngày

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

시장·군수·구청장 (읍·면·동장·출장소장) 귀하

Kính gửi **Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu) (Chủ tịch thị trấn (eup), Chủ tịch xã (myeon), Chủ tịch phường (dong) và trưởng chi nhánh)**

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	<div>1. 주택 임대차 계약 해제 합의서(「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제3항·제9항에 따른 경우만 해당합니다)</div> <div>1. Biên bản thỏa thuận hủy hợp đồng thuê nhà (chỉ áp dụng cho các trường hợp theo khoản 3, khoản 9 Điều 6-2 được lấy làm căn cứ tại khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”)</div> <div>2. 주택 임대차 계약이 해제된 사실을 입증할 수 있는 서류 등(「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제2항에 따라 단독으로 신고하는 경우로서 주택 임대차 계약 해제 합의서를 제출하지 않는 경우만 해당합니다)</div> <div>2. Tài liệu chứng minh hủy hợp đồng thuê nhà (chỉ áp dụng cho các trường hợp đơn phương khai báo theo khoản 2 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và không nộp Biên bản thỏa thuận hủy hợp đồng thuê nhà)</div> <div>3. 단독신고서류(「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제6조의3제2항 및 같은 법 시행규칙 제6조의3제2항에 따라 단독으로 주택 임대차 계약 해제 신고를 하는 경우만 해당합니다)</div> <div>3. Bản tường trình lí do khai báo đơn phương (chỉ áp dụng khi đơn phương khai báo hủy hợp đồng thuê nhà theo khoản 2 Điều 6-3 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và khoản 2 Điều 6-3 Thông tư hướng dẫn Luật này)</div>
------------------------	--

(뒤쪽)
(Mặt sau)

<div>유의사항 Nội dung lưu ý</div> <div><div>1. 「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제6조의3제1항 및 같은 법 시행규칙 제6조의3제1항에 따라 주택 임대차 계약 당사자는 이 신고서에 공동으로 서명 또는 날인해 계약 당사자 중 일방 또는 1명이 신고서를 제출해야 하고, 계약 당사자 중 일방이 국가, 지방자치단체, 공공기관, 지방직영기업, 지방공사 또는 지방공단인 경우(국가등)에는 국가등이 신고해야 합니다.</div><div>1. Theo khoản 1 Điều 6-3 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và khoản 1 Điều 6-3 Thông tư hướng dẫn Luật này, các bên trong hợp đồng thuê nhà ở phải cùng kí tên hoặc đóng dấu vào đơn khai báo này và một trong các bên hoặc 1 người phải nộp đơn; nếu một trong các bên trong hợp đồng là nhà nước, chính quyền địa phương, tổ chức công, công ty do địa phương trực tiếp quản lý, công ty thuộc chính quyền địa phương, hoặc tổng công ty địa phương (nhà nước, v.v.), phía nhà nước, v.v. phải báo cáo.</div><div>2. 주택 임대차 계약의 당사자가 다수의 임대인 또는 임차인인 경우 계약서에 서명 또는 날인한 임대인 및 임차인 1명의 인적 사항을 적어 제출할 수 있습니다.</div><div>2. Nếu các bên trong hợp đồng thuê nhà có nhiều người cho thuê hoặc người thuê, có thể điền thông tin cá nhân của 1 người cho thuê và người thuê đã ký tên hoặc đóng dấu trong hợp đồng và nộp.</div><div>3. 「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제3항에 따라 주택 임대차 계약 당사자 일방이 이 신고서에 주택 임대차 계약 해제 합의서 또는 주택 임대차 계약이 해제된 사실을 입증할 수 있는 서류 등(주택 임대차 해제 합의서를 작성하지 않은 경우만 해당합니다)을 첨부해 제출하는 경우에는 계약 당사자가 공동으로 신고한 것으로 봅니다.</div><div>3. Trường hợp một bên trong hợp đồng thuê nhà nộp đơn thỏa thuận hủy hợp đồng thuê nhà hoặc tài liệu chứng minh việc hủy hợp đồng thuê nhà kèm theo khai báo này (chỉ áp dụng đối với trường hợp chưa lập đơn thỏa thuận hủy thuê nhà) theo khoản 3 Điều 6-2 được lấy làm căn cứ tại khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” thì được coi là đã cùng khai báo.</div></div>

4. 「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의5에 따라 주택 임대차 계약 해제 신고서의 작성 및 제출을 주택 임대차 계약 당사자로부터 위임받은 자는 제출인란에 서명 또는 날인해 제출해야 합니다.
4. Theo Điều 6-5 của “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”, người được một bên trong hợp đồng thuê nhà ủy quyền lập và nộp đơn khai báo hủy hợp đồng thuê nhà phải kí tên hoặc đóng dấu trong mục người nộp đơn và nộp.
5. 「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제9항에 따라 신고인이 주택 임대차 해제 합의를 신고관청에 제출하면 주택 임대차 계약 해제 신고서를 제출하지 않아도 됩니다. 이 경우 신고관청에서 주택 임대차 해제 합의서로 주택 임대차 계약 해제 사실을 확인할 수 없으면 주택 임대차 해제 신고서의 제출을 요구할 수 있습니다.
5. Theo khoản 9 Điều 6-2 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” được căn cứ ở khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”, nếu người khai báo nộp cho cơ quan khai báo đơn thoả thuận hủy thuê nhà, thì không cần nộp đơn khai báo hủy hợp đồng thuê nhà. Trong trường hợp này, nếu cơ quan khai báo không thể xác nhận đầy đủ các nội dung hủy hợp đồng thuê nhà bằng đơn thoả thuận hủy thuê nhà thì có quyền yêu cầu nộp đơn khai báo hủy thuê nhà.
6. 주택 임대차 계약의 해제가 확정된 날부터 30일 이내에 신고하지 않거나, 거짓으로 신고하는 경우 「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제28조제5항제3호에 따라 100만원 이하의 과태료가 부과됩니다.
6. Nếu không khai báo trong vòng 30 ngày kể từ xác định hủy hợp đồng thuê nhà hoặc khai báo không đúng sự thật, sẽ bị phạt tiền tối đa 1 triệu won theo điểm 3 khoản 5 Điều 28 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”.

작성방법

Cách điền đơn

- ① 신고필증 관리번호란에는 종전의 주택 임대차 계약 신고에 따라 발급받은 신고필증에 적힌 관리번호를 적습니다.
- ① Trong mục số quản lý giấy chứng nhận khai báo, điền số quản lý ghi trên giấy chứng nhận khai báo đã cấp theo khai báo hợp đồng thuê nhà trước đó.
- ②・③ 임대인・임차인의 성명・주민등록번호 등 인적사항을 적으며, 주택 임대차 계약의 당사자가 다수의 임대인 또는 임차인인 경우 계약서에 서명 또는 날인한 임대인 및 임차인 1명의 인적사항을 적어 제출할 수 있습니다.
- ①・② Điền thông tin cá nhân như họ tên và số chứng minh thư Hàn của người cho thuê và người thuê. Nếu các bên trong hợp đồng thuê nhà nhiều hơn một người cho thuê hoặc người thuê, có thể điền thông tin cá nhân của 1 người cho thuê và người thuê đã ký tên hoặc đóng dấu trong hợp đồngvà nộp.
- ④ 계약 기간란에는 종전에 신고한 주택 임대차 계약의 계약 기간을 적습니다.
- ④ Trong mục Thời gian hợp đồng, điền thời gian hợp đồng của hợp đồng thuê nhà đã khai báo trước đó.
- ⑤ 해제사유란에는 해제사유를 간략히 적습니다.
- ⑤ Trong mục Lí do hủy, hãy điền ngắn gọn lí do hủy.
- ※ 동일한 임대인과 임차인이 소재지(주소)가 다른 다수의 주택에 대해 일괄하여 체결한 임대차 계약이 해제된 경우에도 종전에 신고한 임대목적물 건별로 각각 주택 임대차 계약 해제 신고서를 작성해 제출해야 합니다.
- ※ Dù hủy hợp đồng thuê nhà giữa cùng một người cho thuê và người thuê đối với nhiều toà nhà có địa điểm (địa chỉ) khác nhau vẫn phải lập và nộp đơn khai báo hủy hợp đồng thuê nhà đối với từng đối tượng cho thuê.

처리절차

Quy trình xử lý

